

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN TỐ



DANH SÁCH ĐỦ ĐIỀU KIỆN XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM HỌC 2018-2019

	Mã số	Họ và Tên	Năm sinh	Nữ	Chuyên ngành
1	2	3	4	5	6
1	17	Lê Trung Tuấn	1985		Âm nhạc
2	28	Huỳnh Thi Kim Yến	1993	x	Âm nhạc
3	24	Nguyễn Hoàng Đăng	1990		Âm nhạc
4	42	Đoàn Văn Thọ	1985		Công nghệ
5	68	Trần Ngọc Yến	1996	x	Công nghệ
6	09	Võ Thanh Triều	1993		Địa lý
7	11	Phan Huỳnh Nguyễn Thùy Ngân	1994	x	Địa lý
8	13	Nguyễn Thị Thu Hường	1995	x	Địa lý
9	18	K Thị Phương Lan	1995	x	Địa lý
10	25	Phạm Trương Quỳnh Trâm	1988	x	Địa lý
11	67	Trần Thị Nhân	1989	x	Địa lý
12	69	Vũ Trần Trung	1991		Địa lý
13	73	Lê Phạm Hưng Phúc	1996	x	Địa lý
14	88	Phan Thị Thanh Tuyền	1993	x	Địa lý
15	83	Nguyễn Thị Ngọc Loan	1996	x	Giáo dục công dân
16	01	Nguyễn Tuấn Anh	1996		Lịch sử
17	26	Huỳnh Thị Kim Duyên	1991	x	Lịch Sử
18	27	Vũ Thúy Vy	1995	x	Lịch Sử
19	38	Vũ Kim Loan	1996	x	Lịch sử
20	46	Lê Thị Yến	1994	x	Lịch sử
21	47	Trần Thị Hà My	1994	x	Lịch sử
22	05	Nguyễn Hoàng Tâm	1991		Mỹ thuật
23	81	Nguyễn Văn Lập	1996		Mỹ thuật
24	57	Nguyễn Thị Thanh Thảo	1993	x	Ngữ văn
25	03	Trang Diệp Thúy	1991	x	Ngữ văn
26	04	Phan Tấn Hùng	1989		Ngữ văn
27	06	Đoàn Thị Bình	1996	x	Ngữ văn
28	07	Trần Thị Ngọc Trâm	1993	x	Ngữ văn
29	10	Trần Thị Minh	1992	x	Ngữ văn

STT	Mã số	Họ và Tên	Năm sinh	Nữ	Chuyên ngành
1		2	3	4	9
30	14	Đỗ Cao Thắng	1991		Ngữ văn
31	15	Phan Phương Bình	1990		Ngữ văn
32	23	Hà Thị Trinh	1995	x	Ngữ văn
33	82	Nguyễn Ngọc Như Thảo	1995	x	Ngữ văn
34	86	Nguyễn Minh Phương	1996	x	Ngữ văn
35	89	Bùi Thanh Vân	1988	x	Ngữ văn
36	12	Phạm Thị Hoài	1995	x	Sinh học
37	16	Lương Thị Hạnh	1990	x	Sinh học
38	40	Nguyễn Kim Thi	1994	x	Sinh học
39	41	Lê Pha	1992		Sinh học
40	50	Bùi Thị Kim Như	1996	x	Sinh học
41	54	Phạm Thị Thùy Linh	1997	x	Sinh học
42	60	Trần Thị Ngọc Hà	1996	x	Sinh học
43	62	Trần Thị Ngọc Huyền	1995	x	Sinh học
44	74	Lê Thị Thùy Dương	1996	x	Sinh học
45	77	Nguyễn Hữu Thảo Nguyên	1991	x	Sinh học
46	84	Phạm Thị Tuyết	1989	x	Sinh học
47	31	Võ Văn Phương	1986		Thể dục
48	52	Nguyễn Cao Thức	1996		Thể Dục
49	59	Nguyễn Phước Vinh	1995		Thể Dục
50	64	Tăng Chí Cường	1997		Thể dục
51	90	Ngô Văn Vũ	1986		Thể dục
52	21	Nguyễn Huỳnh Cẩm Thy	1990	x	Tiếng Anh
53	37	Nguyễn Ngọc Huyền Trân	1992	x	Tiếng Anh
54	49	Lưu Kỳ Anh	1992	x	Tiếng Anh
55	58	Bùi Thị Thu Ngân	1984	x	Tiếng Anh
56	78	Trần Thị Dịu	1994	x	Tiếng Anh
58	76	Trần Đức Hòa	1990		Toán
59	91	Nguyễn Ngọc Phương Vy	1996	x	Toán
60	02	Đỗ Thị Nhân	1992	x	Toán
61	08	Đàm Thị Thúy Ngân	1989	x	Toán
62	20	Nguyễn Thị Hường	1981	x	Toán



STT	Mã số	Họ và Tên	Năm sinh	Nữ	Chuyên ngành
1		2	3	4	9
63	22	Lê Hoàng Bảo Duy	1988		Toán
64	29	Tạ Hoàng Long	1995		Toán
65	30	Bùi Thị Thu Hà	1989	x	Toán
66	32	Dương Thị Phú Bình	1994	x	Toán
67	33	Nguyễn Thành Trung	1986		Toán
68	34	Lê Thị Kiều Trang	1992	x	Toán
69	35	Nguyễn Văn Tân	1991		Toán
70	36	Huỳnh Văn Ân	1984		Toán
71	39	Trương Phi Phụng	1995	x	Toán
72	43	Võ Hữu Hoàng Tiến	1985		Toán
73	44	Nguyễn Thị Thanh Hoài	1995	x	Toán
74	45	Thái Thị Trúc Linh	1994	x	Toán
75	48	Trần Phương Uyên	1994	x	Toán
76	51	Hoàng Thị Hồng Phúc	1990	x	Toán
77	53	Lê Tuyết Linh	1996	x	Toán
78	55	Huỳnh Văn Thật	1993		Toán
79	56	Lâm Bảo Chánh	1996		Toán
80	61	Trần Phan Thúy Nguyệt	1994	x	Toán
81	63	Nguyễn Thị Huê	1988	x	Toán
82	65	Đặng Thị Nhung	1990	x	Toán
83	66	Phạm Nhơn Quý	1989		Toán
84	71	Huỳnh Thị Sâm	1995	x	Toán
85	75	Lương Nguyễn Hữu Phước	1987		Toán
86	79	Lê Thị Hồng Hạnh	1996	x	Toán
87	80	Trần Hữu Bảo	1993		Toán
88	85	Nguyễn Thị Bích Ngọc	1994	x	Toán
89	87	Phạm Minh Viên	1987		Toán
90	19	Vũ Ngọc Huyền	1997	x	Toán (Hóa)

Tổng cộng :

90 hồ sơ đủ điều kiện dự tuyển

Người lập biểu

